

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2019

Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Thắng

2. Ông Đặng Hoàng Môn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Khai M, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Khai M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn năm 2011, ngày 24/3/2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, cả hai không còn tình cảm yêu thương, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đại P, giới tính nam, sinh ngày 29/12/2014, cháu P đang sống với chị M. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đại P, giới tính nam, sinh ngày 29/12/2014 cho chị M nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị M yêu cầu ly hôn với bị đơn anh T và có yêu cầu giải quyết về con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh T có nơi cư trú tại ấp Đập Đá 1, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:* Chị M và anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2015 tại UBND xã Long Điền và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị với anh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn. Nay chị M yêu cầu ly hôn nhưng anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, anh không có văn bản thể hiện ý kiến gì để Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2016 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 89 (*Căn cứ cho ly hôn*) và Điều 91 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) nên chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T.

[5] *Về con chung:* Chị M xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Đại P, giới tính nam, sinh ngày 29/12/2014, cháu P đang sống với chị M, chị yêu cầu được nuôi con chung, không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu P hiện nay đang chung sống với chị M về cuộc sống của con được đảm bảo, chị M có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 92 (*Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn*), Điều 94 (*quyền thăm nom con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) giao cháu Nguyễn Đại P, giới tính nam, sinh ngày 29/12/2014 cho chị M nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con, anh có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị M xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị M chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 171, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 89, Điều 91, Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Khai M được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đại P, giới tính nam, sinh ngày 29/12/2014 cho chị M nuôi dưỡng (cháu P đang chung sống với chị M), anh T không cấp dưỡng nuôi con, anh có quyền thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Án phí sơ thẩm: chị Trần Thị Khai M chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000002 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Chị M không phải nộp thêm.
5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/6/2019). Bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Long Điền (nơi đăng ký kết hôn);
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng